

Số: **22** /2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **10** tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước
về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5818/TTr-SXD-VLXD ngày 31 tháng 5 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1456/STP-VB ngày 16 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2021, thay thế Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quy định tại Chỉ thị số 23/2011/CT-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 04/2013/CT-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng; Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam và các Đoàn thể Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Các Ban của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Trung tâm Công báo TP;
- Lưu: VT, (ĐT/TN) D.33.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hòa Bình



QUY CHẾ

Phối hợp quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2021/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hình thức, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm trong việc phối hợp hoạt động giữa các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện trong công tác quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện để nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện công tác quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố; đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, bảo đảm tính thống nhất, thực hiện đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo trong hoạt động quản lý; phát huy tính chủ động và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan; không gây phiền hà cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

2. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn của mỗi cơ quan, chế độ bảo mật theo quy định, bảo đảm kết quả phối hợp đạt chất lượng và thời gian yêu cầu.

3. Không làm phát sinh thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng hoạt động bình thường.

4. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật; chủ động phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc đảm bảo khách quan, minh bạch, hiệu quả; đảm bảo đúng thời gian theo quy định. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ

của các cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất ý kiến, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo và đề xuất hướng giải quyết trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Nghiêm cấm hành vi lợi dụng việc sử dụng thông tin, tài liệu, dữ liệu do cơ quan phối hợp cung cấp để vụ lợi hoặc phục vụ các mục đích không phù hợp quy định.

Điều 4. Hình thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung của công tác quản lý vật liệu xây dựng, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Tổ chức họp.
3. Tổ chức đoàn khảo sát, điều tra.
4. Tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành các cơ quan, đơn vị có liên quan.
5. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp và thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

Điều 5. Trách nhiệm chung của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định về vật liệu xây dựng đến các tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc phạm vi quản lý; triển khai, tổ chức thực hiện các quy định và phối hợp với Bộ chuyên ngành (khi có yêu cầu) theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng, thông tin kịp thời về Sở Xây dựng các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Chỉ đạo các chủ đầu tư công trình trên địa bàn Thành phố sử dụng vốn Nhà nước phải ưu tiên sử dụng tro, xỉ, thạch cao hoặc các sản phẩm vật liệu xây dựng có tro, xỉ, thạch cao FGD (Flue Gas Desulfurization - thạch cao được thu hồi từ khói lò đốt của các nhà máy nhiệt điện), thạch cao PG (Phosphogypsum - thạch cao được thải ra từ các nhà máy hóa chất, phân bón); khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong các công trình xây dựng.

4. Tham gia các hoạt động phối hợp; từ chối phối hợp nếu nội dung phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

5. Cử cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ, công chức tham gia phối hợp. Cử cán bộ tham gia phối hợp kịp thời khi có yêu cầu và chịu mọi trách nhiệm theo nhiệm vụ phối hợp; khi phối hợp theo hình thức tổ chức cuộc họp hoặc lập đoàn khảo sát, điều tra, đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành thì cơ quan phối hợp phải chịu

trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân Thành phố về nhiệm vụ, ý kiến của cán bộ được cử tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp nội dung công việc vượt quá thẩm quyền thì cơ quan, đơn vị được yêu cầu phối hợp phải có văn bản phản hồi và nêu đề xuất, kiến nghị.

6. Cho ý kiến kịp thời về vấn đề mà cán bộ, công chức được cử phối hợp báo cáo, được quyền bảo lưu ý kiến.

7. Tuân thủ thời hạn góp ý kiến về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về chất lượng và tính nhất quán của các ý kiến trong các hoạt động phối hợp của cơ quan mình.

8. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu, dữ liệu, ý kiến theo lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng và các vấn đề có liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

9. Yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công tác phối hợp.

10. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 5 Quy chế này.

11. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 6 tháng **trước ngày 05 tháng 6**, hàng năm **trước ngày 05 tháng 12** hoặc đột xuất về các nội dung được giao nhiệm vụ tại Quy chế này để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố.

12. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 6. Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền.

b) Phân công quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Phân công tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng; báo cáo định kỳ hàng năm về việc thực hiện Đề án theo yêu cầu của Bộ Xây dựng.

đ) Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển vật liệu xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo đến năm 2025; báo cáo định kỳ hàng năm về việc thực hiện Đề án theo yêu cầu của Bộ Xây dựng.

e) Xây dựng đề án, phương án phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2. Phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế, kỹ thuật về sản phẩm vật liệu xây dựng có sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong các công trình xây dựng; hướng dẫn các chủ đầu tư công trình xây dựng và các đơn vị liên quan sử dụng các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tổng hợp, dự báo nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo trên địa bàn Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Xây dựng xem xét, chấp thuận các công trình có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn Thành phố (ngoại trừ các công trình đặc thù thuộc thẩm quyền xem xét, chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các Bộ chuyên ngành theo quy định).

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng và sản phẩm xây dựng, công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo quy định.

6. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai, hướng dẫn các chính sách, giải pháp phát triển ứng dụng khoa học công nghệ về tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu thay thế.

7. Căn cứ tình hình thực tế của từng giai đoạn, hướng dẫn biểu mẫu thống nhất để các đơn vị có liên quan tổ chức việc thu thập thông tin, báo cáo theo phân công của Quy chế này.

8. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình phối hợp; hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của địa phương theo quy định.

9. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 7. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý Nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

2. Xây dựng nội dung phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong quy hoạch của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

3. Tham gia thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng (nếu có) theo phân cấp của Chính phủ và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Rà soát, đánh giá, tổng hợp nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ cho các công trình ven biển và hải đảo; các vùng có nguy cơ sạt lở ven biển và hải đảo, ảnh hưởng của việc biến đổi khí hậu, nước biển dâng để đề xuất giải pháp phù hợp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển vật liệu xây dựng phục vụ công trình ven biển và hải đảo.

5. Phối hợp, tham mưu phương án sử dụng các vật chất nạo vét tại cửa sông, cảng biển đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để nghiên cứu, tận dụng làm vật liệu xây dựng phục vụ cho các công trình trên địa bàn Thành phố.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức quản lý chất thải rắn xây dựng, các hoạt động xả thải, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng, phế liệu.

b) Tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện khắc phục hậu quả của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

c) Xây dựng kế hoạch di dời, hướng dẫn thực hiện di dời các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng không phù hợp với quy hoạch, chiến lược, đề án, phương án phát triển của Thành phố vào khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố hoặc đến những địa phương khác có quy hoạch phù hợp theo quy định pháp luật.

7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; các hoạt động xả thải, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng, phế liệu; việc bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

8. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm:

a) Tình hình cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép của các tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng.

b) Danh sách các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường.

c) Kết quả quản lý, kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây dựng.

d) Tình hình xử lý các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố theo quy định.

đ) Công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn theo quy định (báo cáo định kỳ hàng năm).

Điều 8. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

a) Tổ chức thực hiện chương trình, đề án, cơ chế chính sách, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp vật liệu xây dựng: xúc tiến thương mại, triển lãm hàng hóa và hội chợ về vật liệu xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường (trong và ngoài nước) tiêu thụ sản phẩm, tạo dựng môi trường cho doanh nghiệp phát triển; quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, giải pháp phát triển ứng dụng khoa học công nghệ về tiết kiệm năng lượng.

b) Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan (khi có yêu cầu) kiểm tra, giám sát xử lý kịp thời các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn không thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao phế thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện; xem xét, xử lý vi phạm (nếu có).

c) Tổ chức xây dựng phương án phát triển các cụm công nghiệp, bao gồm cụm công nghiệp hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng.

d) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

đ) Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Việc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại đơn vị theo lộ trình quy định của Chính phủ, Bộ Công thương và Bộ Xây dựng; lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định của Bộ Công thương; các nội dung khác có liên quan (nếu có) để các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện trách nhiệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định.

2. Tham gia thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện: Giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các tiêu chí về quy mô công suất, tiêu hao năng lượng, công nghệ và thiết bị sản xuất công nghiệp đối với các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng tại

địa phương; thực hiện việc loại bỏ các phương tiện, thiết bị sử dụng nhiều năng lượng và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới theo quy định.

b) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp chống các hành vi đầu cơ, lũng đoạn thị trường trong hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng trái quy định của pháp luật theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm về kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.

Điều 9. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động về khoa học công nghệ, giới thiệu các công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng tiên tiến, hiện đại đến các nhà đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư lựa chọn dây chuyền, công nghệ đảm bảo về môi trường, phù hợp với quy mô sản xuất, ưu tiên lựa chọn thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được để từng bước nội địa hóa việc chế tạo thiết bị cho dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng.

2. Tổ chức đặt hàng các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ về vật liệu xây dựng và vật liệu thay thế, hoàn thiện công nghệ xử lý và sử dụng tro, xỉ, thạch cao phế thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố.

3. Rà soát, tổng hợp, xây dựng kế hoạch, thu hút, huy động các nguồn lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, hoàn thiện công nghệ phát triển vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo theo thẩm quyền địa phương.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng và sản phẩm xây dựng, công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

5. Phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng:

a) Đổi mới công nghệ, đầu tư công nghệ mới, chuyển giao công nghệ, các dự án ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng (đặc biệt là vật liệu thân thiện môi trường); được hưởng các ưu đãi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, áp dụng ưu đãi về chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ và các ưu đãi khác.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn áp dụng, đăng ký sở hữu trí tuệ; đặc biệt đối với các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm phục vụ các công trình ven biển và hải đảo.

c) Các chính sách ưu đãi đối với các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm đối với vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo.

6. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm:

a) Tình hình quản lý về công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và vật liệu xây không nung nói riêng, tỷ lệ nội địa hóa trong các dây chuyền sản xuất.

b) Các thông tin về chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ có thể áp dụng trên địa bàn Thành phố.

c) Tình hình tham gia Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

d) Các doanh nghiệp và sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đã công bố hợp chuẩn.

đ) Danh sách các doanh nghiệp vật liệu xây dựng được chứng nhận đăng ký sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ.

e) Các đề tài nghiên cứu, giải pháp ứng dụng vật liệu xây dựng mới, vật liệu thay thế.

Điều 10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn các tổ chức sản xuất vật liệu xây không nung về chính sách và các thủ tục để được hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tổng hợp danh mục dự án, công trình xây dựng ven biển và hải đảo trên địa bàn Thành phố được ghi vốn bằng nguồn ngân sách Thành phố.

3. Cung cấp các thông tin cho Sở Xây dựng:

a) Định kỳ hàng tháng về danh sách doanh nghiệp được cấp mới, thay đổi, bổ sung, giải thể có đăng ký ngành nghề sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

b) Truy cập thông tin dự án đầu tư theo lĩnh vực, mục tiêu dự án đã đăng ký (bao gồm lĩnh vực vật liệu xây dựng) tại địa chỉ <http://172.16.20.5/thongtindoanhngheip/>, hoặc <http://10.188.47.4/thongtindoanhngheip/>, hoặc các thông tin trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thuộc chuyên ngành kế hoạch và đầu tư quản lý trong trường hợp không truy cập được vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 11. Sở Tài chính

Phối hợp thực hiện các nội dung theo quy định pháp luật về giá và chức năng, nhiệm vụ được phân công của đơn vị.

Điều 12. Sở Quy hoạch - Kiến trúc

1. Tham gia ý kiến với Sở Xây dựng về xây dựng các đề án, phương án, kế hoạch, chính sách phát triển vật liệu xây dựng của Thành phố.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định lựa chọn tích hợp đề án, phương án phát triển vật liệu xây dựng vào quy hoạch của Thành phố.

Điều 13. Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin về khuyến khích sản xuất và ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường trong các dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành và trên phương tiện giao thông công cộng.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện công tác quản lý tại địa phương đối với các bến bãi, bến thủy nội địa sau khi được Sở Giao thông Vận tải cấp phép.

3. Cung cấp các thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm về số lượng, địa điểm và tình hình hoạt động các bến bãi, bến thủy nội địa của Thành phố có tập kết các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Điều 14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc nghiên cứu ứng dụng các vật liệu mới, thân thiện với môi trường (đặc biệt là môi trường nước mặn, chua, phèn...) trong xây dựng công trình thủy lợi.

Điều 15. Cục Hải quan Thành phố

1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu, nhập khẩu, đặc biệt là hàng hóa vật liệu xây dựng có khả năng gây mất an toàn (thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật); thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường các biện pháp thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ hàng hóa xuất nhập khẩu đối với các trường hợp cơ quan chuyên ngành phát hiện vi phạm, cung cấp thông tin đến cơ quan hải quan.

3. Cung cấp các thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm:

a) Tình hình quản lý xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng: chủng loại, số lượng, thương hiệu, xuất xứ hàng hóa vật liệu xây dựng và khoáng sản, nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng.

b) Các quy định pháp luật mới liên quan; những yếu tố thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng và khoáng sản, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất vật liệu xây dựng (nếu có).

Điều 16. Cục Thống kê Thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các phương án điều tra thống kê, tổ chức điều tra về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng về số liệu thống kê liên quan tình hình hoạt động của doanh nghiệp vật liệu xây dựng theo quy định hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 17. Cục Quản lý thị trường Thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công tác quản lý, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong hoạt động thương mại, công nghiệp; phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hành vi vi phạm về chất lượng, giá, hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động thương mại, công nghiệp về vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ động xử lý các vi phạm pháp luật về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền quy định.

3. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm về các nội dung nêu trên.

Điều 18. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố

1. Công bố, hướng dẫn và quản lý thực hiện quy hoạch, chiến lược, đề án, phương án phát triển vật liệu xây dựng của quốc gia và Thành phố tại các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức xây dựng phương án phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, bao gồm hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Triển khai các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đến các cơ sở sản xuất ngành xây dựng thuộc phạm vi địa bàn quản lý; tăng cường quản lý công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công quản lý.

4. Phổ biến, hướng dẫn các chủ đầu tư công trình xây dựng và các đơn vị liên quan sử dụng các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo.

5. Cung cấp thông tin, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đảm bảo điều kiện về công nghệ, môi trường và quy mô được đầu tư các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng (đặc biệt là vật liệu thân thiện môi trường) trong các khu công nghiệp, khu chế xuất theo đề án, phương án và định hướng phát triển của Thành phố.

6. Phối hợp hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất vật liệu xây dựng, các quy định pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp và khu chế xuất trên địa bàn Thành phố.

7. Phối hợp tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong phạm vi các khu công nghiệp và khu chế xuất trên địa bàn Thành phố.

8. Phối hợp đôn đốc các doanh nghiệp báo cáo tình hình đầu tư, sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm theo quy định.

9. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm:

a) Tình hình hoạt động của các dự án (đầu tư, sản xuất, kinh doanh, trình độ công nghệ) về lĩnh vực vật liệu xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp và khu chế xuất.

b) Tình hình cấp, điều chỉnh chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

c) Danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu phế thải (như tro, xỉ, thạch cao...) làm vật liệu xây dựng trong khu công nghiệp và khu chế xuất.

d) Công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất ngành xây dựng thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

đ) Kết quả kiểm tra liên quan lĩnh vực vật liệu xây dựng trong khu công nghiệp và khu chế xuất đối với những nội dung do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố chủ trì thực hiện.

Điều 19. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng; chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân quảng bá sản phẩm, đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng theo quy hoạch, đề án, phương án phát triển của Thành phố

2. Phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề, lớp huấn luyện - đào tạo, hội chợ - triển lãm với quy mô Vùng Thành phố Hồ Chí Minh về vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, nhằm vận động và khuyến khích sản xuất, sử dụng các sản phẩm mới, góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp vật liệu xây dựng khảo sát thị trường; tham dự hội chợ, triển lãm, diễn đàn đầu tư trong nước và nước ngoài.

4. Tạo điều kiện, tổ chức trưng bày định kỳ sản phẩm vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường tại Phòng trưng bày sản phẩm xuất khẩu của Thành phố.

5. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm về các nội dung nêu trên.

Điều 20. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thuộc địa bàn quản lý, chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản làm vật liệu xây dựng chưa khai thác.

2. Triển khai các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đến các cơ sở sản xuất ngành xây dựng thuộc phạm vi địa bàn quản lý; tăng cường quản lý công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công quản lý.

3. Phổ biến, hướng dẫn các chủ đầu tư công trình xây dựng và các đơn vị liên quan sử dụng các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các cuộc điều tra thống kê các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn theo phương án điều tra của Thành phố.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn (nếu có) để đề xuất đưa vào quy hoạch, phương án phát triển của Thành phố.

6. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường thuộc địa bàn quản lý.

7. Chỉ đạo tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung đối với công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện quyết định đầu tư hoặc thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Hướng dẫn người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình phải sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định, quy định rõ các nội dung nêu trên trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

9. Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng; chủ động vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng vật liệu xây không nung đối với các công trình không thuộc đối tượng bắt buộc sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định.

10. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường kiểm tra, không cho phép đầu tư xây mới hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung; không cho phép sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch trên địa bàn Thành phố; không cho phép lưu thông trên thị trường và sử dụng trong các công trình xây dựng của Thành phố các sản phẩm, hàng hóa gạch đất sét nung chưa được công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng, chất lượng không đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đã công bố, theo quy định của pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn.

11. Đôn đốc các doanh nghiệp báo cáo tình hình đầu tư, sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm theo quy định.

12. Chủ động, phối hợp xử lý các vi phạm pháp luật về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền quy định.

13. Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm:

a) Tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn.

b) Danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu phế thải (như tro, xỉ, thạch cao...) làm vật liệu xây dựng trên địa bàn.

c) Danh sách hộ kinh doanh đăng ký cấp mới, thay đổi nội dung kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt kinh doanh, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

d) Danh sách các chủ đầu tư và dự án trên địa bàn thuộc đối tượng bắt buộc sử dụng vật liệu xây không nung, không thuộc đối tượng nhưng có sử dụng vật liệu xây không nung; loại vật liệu xây không nung, đơn vị cung cấp, số lượng sử dụng và tỷ lệ sử dụng (%) trên tổng số vật liệu xây của công trình.

đ) Quản lý công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất ngành xây dựng thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

e) Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan lĩnh vực vật liệu xây dựng thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Thủ trưởng các Sở, ban ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 22. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.